TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2019/KDTM-PT
Ngày: 29-3-2019
V/v tranh chấp hợp đồng thi công hạng mục phòng cháy, chữa cháy, chống sét

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Giới

Các Thẩm phán: Ông Tống Văn Viên

Ông Huỳnh Văn Hoàng Vân

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Huỳnh Thị Mỹ Chi, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh:*** Bà Phạm Thị Ửng, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 29 tháng 03 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 04/2019/TLPT-KDTM, ngày 19 tháng 12 năm 2018 về việc "tranh chấp hợp đồng thi công hạng mục phòng cháy, chữa cháy, chống sét".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 02/2018/KDTM-ST, ngày 05 tháng 9 năm 2018 của Tòa án nhân dân thị xã D bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 58/2019/QĐPT-DS, ngày 04 tháng 3 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Công ty trách nhiệm hữu hạn tư vấn thiết kế xây dựng P: Do ông Nguyễn Ngọc T, Giám đốc làm đại diện (vắng mặt)

Trụ sở: Số 7, đường h, khóm M, phường P, thành phố T, tỉnh Trà Vinh.

Người đại diện hợp pháp của ông Nguyễn Ngọc T: Anh Phạm Minh L, sinh năm 1993; địa chỉ 200 Phan Đình Phùng, khóm Y, phường Q, TP.T, tỉnh Trà Vinh (có mặt)

- *Bị đơn:* Công ty Cổ phần Tư vấn và Đầu tư xây dựng B (Công ty BDC): Do ông Nguyễn Anh S, Chủ tịch Hội đồng quản trị làm đại diện (vắng mặt)

Trụ sở: Căn 111, Tầng 1, Nhà k9, Khu tập thể B, phường B, Quận H, Hà Nội.

Địa chỉ văn phòng giao dịch: Tầng 6A, số 169 Nguyễn Ngọc Vũ, phường T, Quận C, Hà Nội.

- *Người kháng cáo*: Công ty Cổ phần Tư vấn và Đầu tư xây dựng B là bị đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 27/6/2017 của nguyên đơn và các lời khai của người đại diện hợp pháp cho nguyên đơn trình bày:

Ngày 22/8/2015, Công ty Cổ phần Tư vấn và Đầu tư xây dựng B (viết tắt là Công ty B) và Công ty trách nhiệm hữu hạn tư vấn thiết kế xây dựng P (viết tắt là Công ty P) ký kết hợp đồng kinh tế. Nội dung hợp đồng Công ty P thi công hạng mục phòng cháy chữa cháy, chống sét – công trình Bến phà Kênh tắt huyện D - Trà Vinh cho Công ty B, giá trị hợp đồng 1.180.684.000 đồng. Hợp đồng được thực hiện, ngày 12/4/2016 Công ty P đã hoàn thành các hạng mục công trình và đã được nghiệm thu đưa vào sử dụng. Trong thời gian thực hiện hợp đồng giữa hai bên đã đối chiếu khối lượng hoàn thành trong đó giá trị hợp đồng giảm xuống còn 1.011.054.529 đồng và ngày 28/01/2016 Công ty P đã xuất hóa đơn với số tiền 1.011.054.529 đồng cho Công ty B. Phía Công ty B đã chi trả được 5 lần với số tiền bằng 853.383.952 đồng, còn nợ lại 157.670.577 đồng, do đó Công ty P yêu cầu Công ty B trả số tiền còn nợ trên và tiền lãi đến khi xét xử là theo lãi suất 1,5%/tháng tính từ ngày 19/12/2016 đến ngày xét xử sơ thẩm. Tuy nhiên, tại phiên tòa sơ thẩm ông Phạm Minh L đại diện cho Công ty P rút lại toàn bộ yêu cầu tính lãi.

Đối với việc Công ty B đặt ra về vấn đề phạt hợp đồng thì trong quá trình thực hiện hợp đồng, giữa hai bên không có đặt ra việc phạt hợp đồng. Ngoài ra liên quan đến việc phạt hợp đồng theo Công ty P cho rằng chưa phù hợp pháp luật thể hiện: Công ty B không phải là chủ đầu tư nên không có thẩm quyền phạt hợp đồng; Mức phạt theo thỏa thuận trong hợp đồng trái với quy định tại Điều 146 Luật Xây dựng và Điều 301 Luật thương mại; đồng thời trong cả quá trình thực hiện hợp đồng giữa hai bên không có lập biên bản về việc chậm thực hiện hợp đồng. Từ các lý do trên Công ty P không đồng ý phạt hợp đồng theo như ý kiến của Công ty B

Tại Văn bản số 0210/BĐ-CV ngày 12/02/2018 và số 0308/BĐ-CV ngày 17/3/2018, bản tự khai người đại diện hợp pháp của bị đơn ông Nguyễn Anh S trình bày: Công ty B có ký hợp đồng kinh tế số 42/2015/HĐKT ngày 22/8/2015

về việc thi công hạng mục phòng cháy chữa cháy, chống sét, công trình Bến phà Kênh tắt huyện D – Trà Vinh với Công ty P. Theo Điều 8 của Hợp đồng: "Nếu bên B thi công chậm tiến độ theo Điều 4.1, bên B sẽ chịu phạt cho mỗi ngày chậm là 10.000.000VNĐ". Sau khi kết thúc công trình thì bên B đã thi công chậm tiến độ tổng cộng 120 ngày. Do vậy, Công ty P sẽ bị phạt tổng số tiền ước tính 1.200.000.000 đồng. Tuy nhiên, việc phạt số tiền trên là quá lớn so với tổng giá trị hợp đồng, nên Công ty B tạm giữ số tiền 158.000.000 đồng dự kiến phạt chậm tiến độ của hợp đồng nêu trên. Ngày 24/8/2018 Công ty B có đơn phản tố yêu cầu Công ty P thanh toán cho Công ty B số tiền 1.200.000.000 đồng tiền phạt do thi công chậm tiến độ.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 02/2018/KDTM-ST ngày 05/9/2018 của Tòa án nhân thị xã D quyết định.

Căn cứ khoản 1 Điều 30, Điều 35, Điều 40, Điều 147, Điều 227, Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 4, Điều 306 Luật Thương mại; Điều 138, Điều 139, Điều 144, Điều 147 Luật Xây dựng; Điều 688 Bộ luật Dân sự 2015; Điều 281, Điều 389, Điều 401, Điều 402, Điều 405, Điều 412 Bộ luật Dân sự 2005; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty trách nhiệm hữu hạn tư vấn thiết kế xây dựng P.

Buộc Công ty Cổ phần Tư vấn và Đầu tư xây dựng B có nghĩa vụ trả cho Công ty trách nhiệm hữu hạn tư vấn thiết kế xây dựng P số tiền 157.670.577 (*Một trăm năm mươi bảy triệu sáu trăm bảy mươi nghìn năm trăm bảy mươi bảy)* đồng.

Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của Công ty trách nhiệm hữu hạn tư vấn thiết kế xây dựng P buộc Công ty Cổ phần Tư vấn và Đầu tư xây dựng B trả số tiền lãi, nếu có tranh chấp thì có quyền khởi kiện lại theo quy định pháp luật.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, về lãi suất và quyền kháng cáo.

Ngày 20/9/2018, người đại diện hợp pháp của Công ty Cổ phần Tư vấn và Đầu tư xây dựng B, ông Nguyễn Văn S kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm số 02/2018/KDTM-ST ngày 05/9/2018 của Tòa án nhân dân thị xã D.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, bị đơn không rút đơn kháng cáo; các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Ý kiến của Kiểm sát viên: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tiến hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Công ty P ký hợp đồng với Công ty B về việc thi công hạng mục phòng cháy, chữa cháy, chống sét công trình Bến Phà Kênh tắt huyện D, tỉnh Trà Vinh giá trị hợp đồng 1.180.684.000 đồng, phía Công ty B đã chi trả 05 lần với tổng số tiền 853.383.952 đồng, còn nợ lại 157.670.577 đồng, Công ty B thừa nhận Công ty P đã hoàn thành nghĩa vụ hợp đồng và Công ty B giữ lại số tiền 157.670.577 đồng, do đó Tòa án cấp sơ thẩm buộc Công ty B trả số tiền 157.670.577 đồng cho Công ty P là đúng quy định pháp luật. Việc Công ty B cho rằng Công ty P thi công chậm tiến độ 120 ngày nên Công ty giữ số tiền 157.670.577 đồng để dự kiến phạt hợp đồng, trong quá trình giải quyết vụ án Công ty B không làm đơn yêu cầu phản tố, sau khi Tòa án cấp sơ thẩm đưa vụ án ra xét xử Công ty B gửi đơn yêu cầu phản tố. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét yêu cầu phản tố là đúng quy định pháp luật. Từ những phân tích trên, xét thấy kháng cáo của Công ty B là không có căn cứ chấp nhận, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày tranh luận của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên; Hội đồng xét xử thấy rằng:

[1] Xét thấy, tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện hợp pháp của bị đơn Công ty Cổ phần Tư vấn và Đầu tư xây dựng B, ông Nguyễn Văn S có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, căn cứ khoản 2 Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành phiên tòa phúc thẩm vắng mặt ông S.

[2] Tại đơn kháng cáo ông S cho rằng bản án sơ thẩm buộc Công ty B trả số tiền 157.670.577 đồng cho Công ty P là chưa khách quan, không đúng quy định pháp luật, không đảm bảo quyền lợi hợp pháp cho Công ty B.

Xét thấy, tại hợp đồng kinh tế số 42/2015/HĐKT, ngày 22/8/2015 giữa Công ty P và Công ty B về việc thi công hạng mục Phòng cháy chữa cháy, chống sét bến phà Kênh tắt huyện D. Nội dung hợp đồng, Công ty B giao cho Công ty P thi công hạng mục Phòng cháy chữa cháy, chống sét bến phà Kênh tắt huyện D, giá trị hợp đồng bao gồm cả các loại thuế, phí là 1.180.684.000 đồng (BL 12), tuy nhiên trong quá trình thực hiện hợp đồng các bên xác nhận tổng giá trị quyết toán đã được nghiệm thu và suất hóa đơn giảm còn 1.011.054.529 đồng và Công ty B đã thanh toán cho Công ty P tổng số tiền bằng 853.383.952 đồng, còn lại số tiền 157.670.577 đồng chưa thanh toán. Nên Công ty P yêu cầu Công ty B trả số tiền 157.670.577 đồng và không yêu cầu tính lãi. Anh Sơn là người đại diện hợp pháp của Công ty B thừa nhận Công ty có tạm giữ số tiền 158.000.000 đồng dự kiến phạt chậm tiến độ của hợp đồng (BL 158). Từ đó nhận thấy, việc Công ty B còn nợ Công ty P số tiền 157.670.577 đồng là có thật. Do đó, Công ty B kháng cáo không đồng ý trả số tiền 157.670.577 đồng cho Công ty P là không có căn cứ chấp nhận.

[3] Công ty B cho rằng tại Điều 8 của Hợp đồng kinh tế nêu "Nếu bên B thi công chậm tiến độ theo Điều 4.1, bên B sẽ chịu phạt cho mỗi ngày chậm tiến độ là 10.000.000 đồng", sau khi kết thúc công trình thì bên B (Công ty P) chậm tiến độ 120 ngày, do đó Công ty có làm đơn yêu cầu phản tố buộc Công ty P thanh toán số tiền 1.200.000.000 đồng (Một tỷ hai trăm triệu đồng) là tiền phạt do thi công chậm tiến độ. Tuy nhiên, yêu cầu này của Công ty B là sau khi Tòa án cấp sơ thẩm mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, do đó căn cứ khoản 3 Điều 200 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận xem xét yêu cầu phản tố này của Công ty B là đúng quy định pháp luật.

[4] Từ những phân tích trên, xét thấy kháng cáo của Công ty Cổ phần Tư vấn và Đầu tư xây dựng B là không có căn cứ chấp nhận.

[5] Xét thấy, ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, giữa nguyên bản án sơ thẩm là có căn cứ chấp nhận

[6] Về án phí: Công ty Cổ phần Tư vấn và Đầu tư xây dựng B phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Công ty Cổ phần Tư vấn và Đầu tư xây dựng B.

Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 02/2018/KDTM-ST, ngày 05/9/2018 của Tòa án nhân dân thị xã D.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty trách nhiệm hữu hạn tư vấn thiết kế xây dựng P.

Buộc Công ty Cổ phần Tư vấn và Đầu tư xây dựng B có nghĩa vụ trả cho Công ty trách nhiệm hữu hạn tư vấn thiết kế xây dựng P số tiền 157.670.577 (*Một trăm năm mươi bảy triệu sáu trăm bảy mươi nghìn năm trăm bảy mươi bảy*) đồng.

Kể từ khi có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành còn phải chịu thêm cho bên được thi hành khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả.

Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của Công ty trách nhiệm hữu hạn tư vấn thiết kế xây dựng P buộc Công ty Cổ phần Tư vấn và Đầu tư xây dựng B trả số tiền lãi, nếu có tranh chấp thì có quyền khởi kiện lại theo quy định pháp luật.

Về án phí sơ thẩm:

Công ty Cổ phần Tư vấn và Đầu tư xây dựng B phải chịu 7.883.500 (*Bảy triệu tám trăm tám mươi ba nghìn năm trăm*) đồng.

Công ty trách nhiệm hữu hạn tư vấn thiết kế xây dựng P không phải chịu án phí. Hoàn trả cho Công ty trách nhiệm hữu hạn tư vấn thiết kế xây dựng P số tiền tạm ứng án phí đã nộp bằng 3.941.764 đồng (Ba triệu chín trăm bốn mươi mốt ngàn bảy trăm sáu mươi bốn ngàn đồng) theo biên lai thu số AA/2015/0012004, ngày 12/7/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã D.

Về án phí phúc thẩm: Công ty Cổ phần Tư vấn và Đầu tư xây dựng B phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm bằng 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm Công ty Cổ phần Tư vấn và Đầu tư xây dựng B đã nộp bằng 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) theo biên lai thu số 0019465, ngày 10/10/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã D.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Trà Vinh;
- TAND thị xã D;
- Chi cục THADS thị xã D;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu: hồ sơ vụ án, TDS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Văn Giới